

## VỀ SỰ HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH

CAO THU HÀNG(\*)

*Trên cơ sở phân tích mối quan hệ biện chứng giữa nhân tố sinh học và nhân tố xã hội trong con người, bài viết lý giải sự hình thành nhân cách dưới tác động của môi trường xã hội và tính tích cực của mỗi cá nhân. Theo đó, nhân tố xã hội cơ bản có ảnh hưởng lớn đến sự hình thành nhân cách là tồn tại xã hội, hoàn cảnh sống mang tính lịch sử – cụ thể mà cá nhân đó sống. Còn tính tích cực xã hội của mỗi cá nhân, một mặt, phụ thuộc vào nhu cầu và lợi ích của họ; mặt khác, phụ thuộc vào môi trường xã hội và khuynh hướng tiến bộ xã hội, như nền dân chủ, các quan hệ xã hội...*

**N**hân cách là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học khác nhau, như triết học, xã hội học, kinh tế - chính trị học, luật học, tâm lý học, y học, giáo dục học, v.v.. Trong đó, quan điểm triết học về nhân cách con người, về cơ bản, có những khác biệt so với quan điểm của các khoa học cụ thể. Triết học Mác - Lênin xem nhân cách là “những cá nhân con người với tính cách là sản phẩm của sự phát triển xã hội, chủ thể của lao động, của sự giao tiếp, của nhận thức, bị quy định bởi những điều kiện lịch sử – cụ thể của đời sống xã hội”(1). Theo đó, nhân cách trước hết là đặc trưng xã hội của con người, là “phẩm chất xã hội” của con người.

Khi nghiên cứu về nhân cách, một trong những vấn đề đầu tiên và cũng là then chốt, là vấn đề sự hình thành nhân cách. Giải quyết vấn đề này theo những cách khác nhau sẽ dẫn tới quan niệm khác nhau về bản chất của nhân cách. Chính vì thế, sự tranh luận giữa các trường phái triết học bàn về nhân cách thường xoay quanh chủ đề này. Trong bài viết này, chúng tôi không có tham vọng trình bày mọi quan điểm của các trường phái triết học trong

lịch sử, mà chỉ tập trung vào quan điểm mácxít về sự hình thành nhân cách.

1. Trước hết, để giải quyết vấn đề nhân cách, chúng ta cần xem xét mối quan hệ giữa cái sinh học và cái xã hội trong con người, bởi như C.Mác đã nói, con người là một thực thể sinh học - xã hội. Trong quá trình phát triển của mình, con người bỏ xa giới động vật trong sự tiến hoá, nhưng điều đó không có nghĩa là con người đã lột bỏ tất cả những cái tự nhiên, cái sinh học.

Khi nói tới những yếu tố sinh học trong con người, có thể hiểu đó là những yếu tố hữu sinh, hữu cơ, những cái mà về mặt phát sinh, luôn gắn bó với tổ tông động vật của con người, những cái làm cho con người hình thành và hoạt động như một cá thể, một hệ thống phục tùng các quy luật sinh học; hoặc cũng có thể coi đó là toàn bộ tiền đề sinh học của con người.

Những yếu tố xã hội là tất cả những quan hệ, những biến đổi xuất hiện do ảnh hưởng của các điều kiện xã hội khác nhau,

(\*) Thạc sĩ triết học, Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

(1) Từ điển bách khoa triết học, t.3. Mátxcova, 1964, tr.196.

những sự quy định về mặt xã hội tạo nên cá nhân con người. Trong đại đa số trường hợp, nếu thiếu chúng thì nhiều đặc tính, nhiều cấu trúc, ví dụ như ngôn ngữ, tư duy trừu tượng, quy phạm đạo đức..., sẽ không bao giờ hình thành được(2).

Cho đến nay, người ta vẫn còn tranh luận nhiều về mối quan hệ giữa yếu tố sinh học và yếu tố xã hội trong sự phát triển con người. Nhìn chung, có hai quan điểm cực đoan về vấn đề này và được biểu hiện trong các trường phái "chủ nghĩa tự nhiên" (hay còn gọi là "chủ nghĩa sinh vật") và "chủ nghĩa xã hội học". Quan điểm của chủ nghĩa tự nhiên dựa trên những thành tựu sinh vật học cũng như những thành tựu về dân tộc học của K.Lôrenxơ. K.Lôrenxơ cho rằng, hành vi xã hội của con người bao gồm trong nó những tính quy luật mà chúng ta có thể biết rõ từ hành vi động vật: "người ta thừa nhận rằng hành vi xã hội của con người... bao gồm trong nó tất cả những tính quy luật... mà chúng ta được biết rõ ràng nhờ vào nghiên cứu những hành vi của động vật"(3).

Vào những năm 70 của thế kỷ XX, trước sự phát triển của khoa học, đặc biệt là sinh vật học và khoa học xã hội nhân văn, chủ nghĩa sinh học xã hội đã ra đời như một trào lưu khoa học liên ngành mới ở Tây Âu. Nhìn một cách tổng thể, chủ nghĩa này cũng không khác gì chủ nghĩa tự nhiên khi cho rằng, "tất cả những gì của con người do bẩm sinh mà có, thì không thể bị thay đổi do các điều kiện xã hội". Theo họ, "sự phát triển của bộ não, sự chuyên trách của bộ não, tốc độ và tính khuynh hướng của quá trình giáo dục con người được hình thành trên trái đất, chủ yếu bằng con đường di truyền" hay "lý tính của con người có thể được hiểu đúng đắn, rõ ràng nhất từ quan

điểm về quá trình phát triển do các gen di truyền quy định"(4).

Những người theo chủ nghĩa xã hội học đã xây dựng học thuyết của mình về con người dựa trên quan điểm lý luận của trường phái E.Durkheim (1858 – 1917, nhà triết học xã hội, nhà xã hội học Pháp, người theo chủ nghĩa thực chứng). Theo họ, các hành vi của con người đều là do tư tưởng, ý thức xã hội tạo nên; đồng thời, trường phái này đã phủ nhận mọi liên hệ khách quan giữa hành vi con người với những điều kiện vật chất của sản xuất và tái sản xuất con người, với tự nhiên.

Đối lập với hai quan điểm cực đoan trên triết học mácxít cho rằng, trong con người mỗi quan hệ giữa cái sinh học và cái xã hội không phải là đối lập nhau mà thống nhất với nhau. Có thể thấy rằng, con người là một cơ thể hữu sinh có trình độ tổ chức sinh học cao nhất và do vậy, quan hệ giữa các yếu tố sinh học - xã hội là rất phức tạp sâu sắc. Tổ chức cơ thể của con người, như các giác quan, hệ thần kinh trung ương... là những tiền đề sinh học, sinh lý học, tân sinh học được xem như cơ sở vật chất và có ảnh hưởng tới sự phát triển con người. Thực tế đã chứng minh rằng, những khiếm khuyết về mặt cơ thể, về gen... đã có ảnh hưởng không nhỏ tới sự phát triển con người, tới thế giới quan, định hướng giá trị... của họ; hay những năng khiếu bẩm sinh, những tài năng... chính là do các yếu

(2) Xem: Nguyễn Trọng Chuẩn. Một vấn đề cần được quan tâm: Mối quan hệ giữa các yếu tố sinh học và các yếu tố xã hội trong con người. Tạp chí Triết học, số 3, 1992, tr.13.

(3) Dẫn theo: Chủ nghĩa xã hội và nhân cách, t.1. NX Sách giáo khoa Mác-Lênin, Hà Nội, 1993, tr.26.

(4) Dẫn theo: Nguyễn Hào Hải. Mấy nét về chủ nghĩa sinh học xã hội. Tạp chí Triết học, số 3, 1992, tr.66-67

tổ sinh học chi phối. Một ví dụ khác là, ngày nay, người ta thường nhắc tới nhịp điệu sinh học (đồng hồ sinh học) như một cơ chế có ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động của con người; hay nhiều kết quả nghiên cứu khoa học đã chỉ ra rằng, khi có một gen nào đó hoạt động hoặc ngừng hoạt động thì con người có sự thay đổi nhất định.

Môi trường xã hội cũng ảnh hưởng tới sự phát triển con người, ảnh hưởng tới cơ cấu và chức năng... của cơ thể. Nếu con người ít tiếp xúc, trao đổi với người xung quanh hoặc sống trong môi trường xã hội quá đơn điệu thì sẽ nghèo nàn về tâm lý, kém sự linh động. Chẳng hạn, bác sỹ Sing, người Ấn Độ, có kể về trường hợp cô Kamala được chó sói nuôi từ nhỏ. Khi được đưa ra khỏi rừng, cô đã 12 tuổi. Bình thường, cô ngủ trong xó nhà, đêm đến thì tỉnh táo và đôi khi sủa lên như chó rừng. Cô đi lại bằng hai chân, nhưng khi bị đuổi thì chạy bằng bốn chi khá nhanh. Người ta dạy nói cho Kamala trong bốn năm, nhưng cô chỉ nói được hai từ. Cô không thể thành người và chết ở tuổi 18. Đến nay, người ta đã biết được trên 30 trường hợp tương tự. Những sự thực đó đã khẳng định tính đúng đắn trong nhận xét của C.Mác: Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà các mối quan hệ xã hội. Như vậy, có thể thấy rằng, đứa trẻ ra đời mới chỉ như một con người “dự bị”. Nó không thể trở thành con người nếu bị cô lập, tách khỏi đời sống xã hội; nó cần phải học để trở thành người. Trong *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*, C.Mác đã viết: “Cá nhân là thực thể xã hội. Cho nên mọi biểu hiện sinh hoạt của nó - ngay cả nếu nó không biểu hiện dưới hình thức trực tiếp của biểu hiện sinh hoạt *tập thể*, được thực hiện cùng với những người khác - là biểu hiện và sự

khẳng định của *sinh hoạt xã hội*” (5). Chính sự gia nhập xã hội và được xã hội điều chỉnh hành vi của mình mà đứa trẻ và hành vi của nó mang nội dung xã hội.

Nghiên cứu sự tác động qua lại giữa yếu tố sinh học và yếu tố xã hội trong con người là để thấy được những hạn chế trong các quan niệm cực đoan về cái sinh học, cái xã hội trong con người của một số trường phái triết học. Thực tế cho thấy rằng, những quy luật sinh học chi phối mặt sinh học, còn quá trình con người gia nhập xã hội sẽ quyết định mặt xã hội trong con người. Điều này thể hiện rõ nhất ở những đứa trẻ sinh ra từ cùng một trứng. Những đứa trẻ này giống nhau về mặt di truyền. Điều đó có nghĩa là, trong quá trình phát triển, chúng có thể mắc một số bệnh giống nhau, như bệnh về mắt hay nội tiết, tức là ở đây, mặt sinh học đóng vai trò không nhỏ. Song, nếu được nuôi dưỡng trong những môi trường xã hội khác nhau thì những đứa trẻ này cũng có sự phát triển khác nhau. Điều này có nghĩa là, con người vừa chịu sự tác động của quy luật sinh học, vừa chịu sự tác động của xã hội (nhưng cũng cần phải thấy được rằng, sự tác động của yếu tố sinh học và yếu tố xã hội không phải là ngang nhau, như nhau trong mỗi cuộc đời con người). Dĩ nhiên, cũng cần phải thấy rằng, với những mục đích nghiên cứu khác nhau, có thể các nhà nghiên cứu nhấn mạnh tới mặt sinh học hoặc mặt xã hội của con người (và chỉ nhấn mạnh, chứ không phải tuyệt đối hoá như chủ nghĩa tự nhiên, thuyết sinh học xã hội hay trường phái xã hội đã làm). Việc tuyệt đối hoá vai trò của yếu tố sinh học, di truyền trong con người sẽ dẫn đến tình

(5) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.42. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.171.

trạng, các tệ nạn xã hội được giải thích bằng những nguyên nhân tự nhiên và do đó, người ta cho rằng, không thể khắc phục được những tệ nạn xã hội. Điều đó còn đưa đến một quan niệm về “giống thượng lưu”, về sự phân biệt chủng tộc. Quan điểm này cho rằng, lịch sử loài người được tạo ra bởi một số người tiêu biểu, được chọn lọc và do đó, dù muốn hay không, con người phải chủ động kiểm soát việc tái sản xuất ra giống người, thực hiện sự “tuyển chọn” vì “lợi ích” loài người. Ngược lại, việc quá đề cao yếu tố xã hội trong con người lại đưa đến một quan niệm khác – quan niệm cho rằng, mọi tệ nạn xã hội đều bắt nguồn từ khuyết điểm chính trị.

2. Trên cơ sở đó, triết học mácxít cho rằng, sự hình thành và phát triển nhân cách là do hai nhân tố quyết định: nhân tố bên ngoài - những yếu tố xã hội, tính quyết định xã hội và nhân tố bên trong - tính tích cực của chính cá nhân.

Nhân tố xã hội cơ bản có ảnh hưởng lớn đến sự hình thành và phát triển nhân cách con người là tồn tại xã hội, hoàn cảnh sống mang tính lịch sử - cụ thể mà cá nhân đó sống. Đó có thể là các tập đoàn xã hội, kiểu loại cộng đồng dân tộc, tập thể... C.Mác đã nói: “Nếu như con người bẩm sinh đã là sinh vật có tính xã hội thì do đó con người chỉ có thể phát triển bản tính của mình trong xã hội và cần phải phán đoán lực lượng bản tính của anh ta, không phải căn cứ vào lực lượng của cá nhân riêng lẻ mà căn cứ vào lực lượng của toàn xã hội”(6). Do vậy, ở mỗi thời đại khác nhau, như thời Cổ đại, Trung cổ, Cận đại, Hiện đại... có những kiểu loại nhân cách khác nhau. Thời Cổ đại, khi nền kinh tế chưa phát triển, của cải còn ít, con người phải sống phụ thuộc vào tập thể, nhân cách mỗi người hoà

vào nhân cách tập thể. Thời Trung cổ, với sự ra đời Kitô giáo, nhân cách chủ yếu hướng về đời sống tinh thần, về những giá trị đạo đức thuần túy, con người sống nhưng luôn chuẩn bị cho đời sống của mình sau khi chết. Thời Cận đại, với sự khẳng định giá trị con người, nhân cách đã mang tính độc lập sáng tạo...

Khi khẳng định tính quyết định của xã hội đối với nhân cách, cũng cần tránh quan điểm đồng nhất sự hình thành nhân cách với quy luật phát triển xã hội. Lẽ dĩ nhiên, trong mỗi một kiểu xã hội nào đó, bao giờ cũng có kiểu mẫu nhân cách (điển hình) cho xã hội đó và xã hội nào, nhìn chung, cũng thiết lập một số chuẩn mực, giá trị mà mỗi cá nhân muốn tồn tại và phát triển phải hướng tới. Nhưng điều đó không có nghĩa là sự hình thành nhân cách đồng nhất với quy luật phát triển xã hội. Bởi như vậy, sẽ không giải thích được tính đa dạng của nhân cách trong mỗi xã hội.

Quá trình hình thành và phát triển nhân cách là quá trình con người nắm lấy kinh nghiệm đời sống xã hội. Ở mỗi giai đoạn lịch sử, kinh nghiệm đó thể hiện trình độ làm chủ của con người đối với lực lượng tự nhiên và lực lượng xã hội. Nó thể hiện một cách khách quan, được vật thể hóa trong nền văn hóa vật chất và tinh thần của xã hội. Nó có thể ở trong những vật thể cụ thể, trong công cụ sản xuất, trong các quan hệ xã hội, trong ngôn ngữ hoặc trong những hình thức và phương pháp tư duy... Quá trình con người nắm lấy kinh nghiệm của đời sống xã hội là sự thống nhất biện chứng giữa sự đối tượng hóa (khách quan hóa) với việc cá thể con người giành lấy (chủ quan hóa) bản chất xã hội của mình.

(6) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.2, tr.200.

Ví dụ, trong quá trình lao động, con người không chỉ phát triển năng lực của mình mà trong quá trình đó, con người đã đối tượng hóa các năng lực ấy trong các vật phẩm. Các vật phẩm đó là kinh nghiệm của con người được kết tinh dưới hình thức vật chất và mang tính khách quan. Các thế hệ sau sử dụng những vật phẩm đó cũng có nghĩa là nắm lấy những kinh nghiệm đã có. Điều này cũng tương tự như trong các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, như đạo đức, thẩm mỹ... Bên cạnh đó, chúng ta còn thấy, trong quá trình sống của mình, con người có vô vàn mối quan hệ, sự giao tiếp với những người khác. Trước tiên, khi sinh ra, họ là thành viên trong một gia đình nào đó và vì vậy, họ có thể là con cái, anh chị; sau nữa, họ có thể trở thành cha mẹ, ông bà... Họ cũng có thể thuộc về một nhóm xã hội (giai tầng, giai cấp) nào đó và qua đó, cũng bị ảnh hưởng tư tưởng của nhóm xã hội (giai tầng, giai cấp) ấy. Cuối cùng, họ cũng là một cá nhân trong một cộng đồng dân tộc nào đó và do vậy, họ mang trong mình những những giá trị đặc trưng của dân tộc ấy... Nghĩa là, trong cả cuộc đời mình, ở con người luôn diễn ra sự quan hệ với những người khác. Chính những nhân tố này quyết định hoạt động, hành vi của con người. Môi trường xã hội chính là nguồn gốc trực tiếp mà ở đó, con người hấp thụ và cũng rút ra những tư tưởng, tri thức, kinh nghiệm của mình. Con người sẽ không thể tồn tại, phát triển được nếu không có sự giao tiếp với thế giới xung quanh, với cộng đồng người. Hệ thống các quan hệ xã hội không phải là cái gì trừu tượng, xa lạ, mà do chính con người tạo ra. Để tồn tại và phát triển, con người phải sản xuất và chính trong quá trình sản xuất, con người tạo ra các mối quan hệ xã

hội và ngược lại, các mối quan hệ xã hội này lại quy định toàn bộ đời sống xã hội và bản chất mỗi người, như C.Mác đã nói: "Bản thân xã hội sản xuất ra *con người* với tính cách là *con người* như thế nào thì nó cũng *sản xuất* ra xã hội như thế"(7). Như vậy, mối quan hệ giữa cá nhân - xã hội thể hiện ra như mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng. Cá nhân nằm trong các quan hệ xã hội (mà các quan hệ xã hội đó chính là sự tác động lẫn nhau giữa cá nhân với nhau); nhưng qua đó, cá nhân đồng thời tích cực giành lấy bản chất xã hội của các quan hệ xã hội đó, làm cho bản chất ấy thành bản chất bên trong của mình, thành bản chất cá nhân. Nhân cách là mức độ "nội tâm hoá" bản chất xã hội của con người trong những điều kiện lịch sử cụ thể. Do vậy, con người muốn chiếm lĩnh những kinh nghiệm xã hội và làm phong phú nhân cách của mình thì phải có sự hoạt động tích cực, bởi "sự phong phú tinh thần hiện thực cá thể hoàn toàn phụ thuộc vào sự phong phú của những quan hệ hiện thực của nó"(8).

Ở đây, xảy ra vấn đề, nếu môi trường xã hội đóng vai trò quyết định sự hình thành và phát triển nhân cách như vậy, vậy thì tại sao lại có những con người có nhân cách khác nhau, tại sao trong cùng một điều kiện sống lại có những con người khác nhau và tại sao trong cùng một hoàn cảnh sống, con người lại có những hành vi khác nhau. Đây là một vấn đề không đơn giản. Khi nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường xã hội đối với sự phát triển nhân cách, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, môi trường

(7) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.42, tr.169.

(8) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.3, tr.26.

xã hội bao gồm: môi trường vĩ mô và môi trường vi mô. Môi trường vĩ mô được coi là nguyên nhân chung của tính quyết định xã hội, còn môi trường vi mô là những hoàn cảnh xã hội trực tiếp, mang tính đặc thù của tính quyết định xã hội. Đó có thể là hệ thống giáo dục địa phương, là nhà trường, gia đình,... Việc đặt vấn đề môi trường vi mô, thiết nghĩ, là cần thiết, bởi nó cho phép chúng ta giải thích sự đa dạng của nhân cách, mà nếu chỉ dựa vào những tồn tại cơ bản của xã hội thì sẽ không giải thích được. Thực ra, ngay ở cấp độ sinh học, sự phong phú, đa dạng của nhân cách cũng đã được thể hiện. Khi sinh ra, mỗi người đã có một bộ gen riêng của mình mà rất hiếm khi trùng với người khác. Do vậy, mỗi người có khí chất, thiên hướng, khả năng tư duy... hết sức khác nhau. Cho nên, có thể, dù cùng sống trong một thời đại, một nhóm xã hội (giai cấp, giai tầng), một môi trường giáo dục giống nhau và thậm chí, ngay cùng một gia đình, nhưng con người vẫn có những phẩm chất, kiểu loại nhân cách khác nhau. Trong những hành vi của mình, con người thường dựa trên những kinh nghiệm sống, thiên hướng bẩm sinh, ... để quyết định.

Việc đặt ra tính đa dạng, phong phú của nhân cách trong xã hội là rất quan trọng. Bởi, nếu bỗng dưng vì những nguyên nhân nào đó mà mọi người trong xã hội đều như nhau: bộ mặt, đầu óc, tư tưởng, tinh thần, năng lực... thì khi đó, xã hội sẽ như thế nào? có được sự phát triển bình thường hay không? - "Một cộng đồng toàn thể những cá thể đồng loạt giống nhau, không có độc đáo cá nhân và mục đích cá nhân - thì sẽ là một cộng đồng nghèo, không có khả năng phát

triển"(9). Thực ra, sự phát triển đa dạng, độc đáo của mỗi người là điều kiện, là hình thức biểu hiện sự phát triển tốt đẹp của xã hội. Và ngược lại, đây không chỉ là biểu hiện của sự phát triển tốt đẹp của xã hội, mà còn là nhu cầu, yêu cầu phát triển của mỗi người.

Khi nhấn mạnh vai trò quyết định của môi trường xã hội, chúng ta cũng đồng thời phải khẳng định tính tích cực của con người trong đời sống xã hội, trong sự hình thành bản chất của mình. Môi trường xã hội không phải là "tủ kính" trưng bày tất cả những giá trị xã hội mà qua đó, con người phải lựa chọn những giá trị cần thiết cho mình. Bởi lẽ, con người là một động vật xã hội khác với toàn bộ thế giới động vật còn lại ở khả năng hoạt động có ý thức. Sự hoạt động có ý thức là điều kiện cơ bản để phân biệt hoạt động của con người với hoạt động của động vật. Con người sáng tạo ra tất cả của cải vật chất và tinh thần, đồng thời cũng sáng tạo ra chính bản chất của mình.

Tính tích cực của nhân cách không mang tính tự nhiên, mà là bản chất của con người. Quan điểm của thuyết hành vi mới không tính đến yếu tố này trong sự hình thành và phát triển nhân cách, mà coi con người như một sản phẩm thụ động của môi trường. Theo quan điểm của họ, môi trường tác động đến con người như thế nào, thì cũng tạo ra con người như thế ấy. Đó là sự suy diễn máy móc. Giải thích theo cách này không thể lý giải được tính độc đáo của mỗi nhân cách. Bởi như đã trình bày, con người khi sinh ra chỉ như là con người "dự

(9) Dẫn theo: GS.VS.Pham Minh Hạc, PGS.TS. Lê Đức Phúc (chủ biên). *Một số vấn đề nghiên cứu nhân cách*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.15.

## VỀ SỰ HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH

bị". Chính vì vậy, không ai nói tới nhân cách của đứa trẻ mới sinh hay còn ẵm ngửa. Bước vào đời sống xã hội, đầu tiên là bắt chước, hành động tự phát, sau đó, hoạt động của con người dần mang tính tự giác, con người bộc lộ tính chủ thể của mình trong các hoạt động xã hội và qua đó, thể hiện tính tích cực xã hội của mình. Có thể thấy rằng, tính tích cực của nhân cách, *một mặt*, phụ thuộc vào nhu cầu và lợi ích của họ. Quá trình thực hiện nhu cầu và lợi ích là quá trình con người nỗ lực hoạt động, phát huy tính tích cực xã hội của mình. Tuy thuộc vào nhu cầu và lợi ích của mình, các cá nhân hoạt động với những động cơ, tình cảm và lý trí khác nhau và qua đó, trong hoạt động, những mặt nhất định của tính tích cực xã hội xuất hiện trong mỗi cá nhân (có thể cá nhân này tích cực hoạt động trong học tập, cá nhân khác là trong giao tiếp hoặc trong lao động...). Chúng tạo ra xu hướng phát triển của nhân cách và dẫn đi vào cấu trúc nhân cách của mỗi người. Chính ở đây, tính đa dạng, phong phú của nhân cách cũng được hình thành. Song, cũng cần phải thấy rằng, nếu nhu cầu và lợi ích của con người được thực hiện một cách tự động, không cần nỗ lực của chủ thể thì sẽ không khuyến khích chủ thể tìm kiếm phương thức thực hiện và thoả mãn nhu cầu. Điều này sẽ gây ra tính ỷ lại, tính thụ động của nhân cách. *Mặt khác*, môi trường xã hội và khuynh hướng tiến bộ xã hội cũng quy định tính tích cực của nhân cách. Một môi trường xã hội lành mạnh, như nền dân chủ, các quan hệ xã hội, điều kiện văn hoá - tinh thần của xã hội có sự phát triển hài hoà... thì sẽ tạo điều kiện cho tính tích cực của nhân cách phát huy. Ngược lại, tính tích cực xã hội của nhân cách sẽ bị thui chột đi, nếu môi trường xã

hội không tạo điều kiện cho nó bộc lộ. Trong một chừng mực nào đó, điều này không những làm cho nhân cách bị nghèo nàn, mà còn có thể dẫn tới sự phá vỡ nhân cách, mà trong *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844* C.Mác đã nói tới.

Như vậy, có thể nói, sự hình thành và phát triển nhân cách là một quá trình lâu dài và phức tạp. Trong quá trình đó, giữa các yếu tố bên trong và yếu tố bên ngoài, giữa cái sinh học và cái xã hội thường xuyên tác động lẫn nhau và vai trò của mỗi yếu tố đó thay đổi trong từng giai đoạn phát triển của mỗi người. Trong quá trình sống, con người có được những kinh nghiệm sống, niềm tin, thói quen... và ngược lại, khi tiếp nhận bất cứ việc gì, nhân cách cũng dựa trên chuẩn mực xã hội để điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp. Không chỉ thế, họ còn dựa vào những cái bên trong, những kinh nghiệm của mình để đánh giá, tiếp nhận hay gạt bỏ cái bên ngoài. Như thế, quá trình này luôn gắn với năng lực tự đánh giá, tự ý thức của mỗi người và do vậy, gắn với quá trình tự giáo dục, quá trình thường xuyên tự hoàn thiện mình của nhân cách. Nhân cách không phải là một cái gì đó đã hoàn tất, mà là quá trình luôn đòi hỏi sự trau dồi thường xuyên.

Từ những vấn đề nêu trên, chúng ta thấy, môi trường có ảnh hưởng không nhỏ tới sự hình thành và phát triển nhân cách; vì vậy, việc tạo ra một môi trường đảm bảo cho nhân cách có sự phát triển hài hoà trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay, thiết nghĩ, là điều cần thiết. Ngược lại, những nhân cách có đủ đức và tài sẽ là điều kiện để chúng ta đạt được mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". □